

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: MS 05/XMVT năm 2026.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: 1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ.
- Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý II, năm 2026.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 180 ngày.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Địa điểm bàn giao hàng hóa: Kho KT 887, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ.

Thọ.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Toàn bộ hàng hóa đảm bảo mới, chưa qua sử dụng.
- Nhà thầu cam kết hàng hóa có đầy đủ các hồ sơ, tài liệu để chứng minh hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: hàng hóa được sản xuất từ năm 1980 trở lại đây. Có CO, CQ đối với hàng hóa nhập khẩu.
- Hàng hóa được cung cấp, bàn giao tại địa điểm nêu trong E-HSMT, các thông số kỹ thuật của sản phẩm phải phù hợp với đặc tính kỹ thuật của E-HSMT. Bất kỳ sự thay đổi nguồn gốc, chủng loại, quy cách kỹ thuật nào sẽ không được chấp thuận.
- Nhà thầu phải đảm bảo có hàng hóa thay thế sẵn sàng cho các sản phẩm hàng hóa bị lỗi, không đảm bảo chất lượng trong quá trình nghiệm thu, thời gian thay thế hàng hóa không quá 60 ngày, kể từ ngày nghiệm thu.

**** Công tác bảo hành:***

- Thời hạn bảo hành: Tối thiểu 12 tháng (365 ngày) đối với tất cả hàng hóa. Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo hành miễn phí bắt đầu từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.
- Địa điểm bảo hành: Tại nơi cung cấp, bàn giao hàng hóa.
- Trong thời hạn bảo hành, nếu hàng hóa bị hư hỏng, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư thì nhà thầu phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục hoặc đổi hàng hóa khác trong vòng 60 ngày

kể từ ngày Chủ đầu tư thông báo. Hàng hóa sau khi bảo hành phải đảm bảo đúng các thông số, yêu cầu về kỹ thuật theo quy định của hãng sản xuất. Các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, khắc phục, bảo hành do nhà thầu chịu hoàn toàn. Nhà thầu phải cam kết đến kiểm tra sự cố hàng hóa trong vòng 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

TT	Danh mục hàng hóa	Kiểu loại	Yêu cầu kỹ thuật
1	Động cơ	Kiểu 41-1000400, GA3-41 hoặc tương đương	<ul style="list-style-type: none"> - Nhãn hiệu: GA3-41 hoặc tương đương; - Danh điểm: 41-1000400 hoặc tương đương; - Động cơ xăng 4 kỳ; Số lượng xi lanh: 8; - Công suất tối đa ở vòng quay (3.200 – 3.400) v/p: 140ml; - Mô men xoắn tối đa ở vòng quay (2.000 – 2.500) v/p: 36 Kg.m; - Tỷ số nén: 6,7; - Vòng quay lớn nhất: 3.650 v/p; - Vòng quay ổn định nhỏ nhất ở chế độ không tải: (575÷625) v/p; - Thể tích công tác: 5,53 lít; - Đường kính xi lanh: 100 mm; - Hành trình pít tông: 88 mm.

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây: Khi bàn giao hàng hóa nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu và các tài liệu khác theo quy định tại Chương V, E-HSMT. Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

- Để chứng minh hợp đồng tương tự đã hoàn thành, nhà thầu phải đính kèm E-HSMT các hồ sơ, tài liệu bao gồm: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính;

- Tất cả các tài liệu, hồ sơ đính kèm E-HSMT phải được Scan từ bản gốc hoặc bản sao được công chứng, chứng thực. Trong quá trình đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải cung cấp bản gốc để Chủ đầu tư đối chiếu, trường hợp nhà thầu không cung cấp bản gốc hoặc quá trình đối chiếu phát hiện sai sót thì nhà thầu bị coi là gian lận, E-HSMT sẽ bị loại và nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Động cơ yêu cầu đồng bộ lắp đầy đủ các cụm máy sau:

TT	Tên gọi	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bơm xăng	Cái	01	
2	Bơm dầu	Cái	01	
3	Bơm nước	Cái	01	
4	Bầu lọc dầu nhòn	Cái	01	
5	Bầu lọc xăng	Cái	01	
6	Chia điện	Cái	01	
7	Chế hoà khí	Cái	01	
8	Động cơ khởi động	Cái	01	
9	Các đường ống nhiên liệu, dầu nhòn liên kết động cơ	Bộ	01	

*** Chú ý chỉ dẫn chào giá:**

- Giá trị hàng hóa là giá CIF Cảng Việt Nam(Không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế VAT).

- Các chi phí cho những dịch vụ liên quan thực hiện trong nước để thực hiện hợp đồng (như chi phí tiếp nhận; bảo hiểm, vận chuyển nội địa, thanh toán, lợi nhuận...) đã bao gồm đầy đủ các loại thuế theo quy định.

(Lý do: hàng hóa được Tổng cục Hải quan/Bộ Tài chính xét miễn thuế nhập khẩu và thuế VAT theo quy định về hàng hóa nhập khẩu phục vụ nhiệm vụ an ninh, quốc phòng cho Bộ Quốc phòng - Chi tiết tại khoản 22, Điều 16, Luật Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu; Khoản 18 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng.

- Bộ Quốc phòng sẽ cấp giấy phép và xác nhận phục vụ nhiệm vụ Quốc phòng cho hàng hóa thuộc gói thầu này (làm cơ sở để đề nghị giải quyết miễn thuế); đồng thời có văn bản đề nghị Tổng cục Hải quan đề nghị giải quyết miễn thuế theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

- Trách nhiệm thực hiện các thủ tục giải quyết miễn thuế với Tổng cục Hải quan do Nhà thầu - bên cung cấp hàng hóa đảm nhiệm).

Mục 2. Kiểm tra và thử nghiệm

2.1. Kiểm tra hàng hóa

- Khi bàn giao nhận hàng hóa, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm đến địa điểm giao hàng quy định tại E-HSMT, hai bên cùng kiểm tra về chứng từ, số lượng, chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất và quy cách của hàng hóa, hai bên sẽ lập Biên bản bàn giao, nghiệm thu sơ bộ hàng hóa (nếu hàng hóa đạt yêu cầu kiểm tra).

- Nếu kết quả kiểm tra về chứng từ, số lượng, chủng loại, xuất xứ năm sản xuất và quy cách của lô hàng chứng tỏ hàng hóa không phù với văn bản của Hợp đồng, phụ lục của hợp đồng, hồ sơ dự thầu thì nhà thầu:

+ Phải khắc phục toàn bộ những tồn tại của lô hàng đó trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên lập biên bản hiện trường nhưng không được quá

ngày hết hạn thực hiện hợp đồng. Trường hợp bất khả kháng khắc phục chậm hai bên sẽ thống nhất lập biên bản để điều chỉnh hợp đồng;

+ Sau khi khắc phục toàn bộ những tồn tại của hàng hóa mà lô hàng vẫn không đáp ứng quy định của hợp đồng, chủ đầu tư có quyền từ chối nhận lô hàng đó và đơn phương chấm dứt hợp đồng và nhà thầu chịu mọi chi phí phát sinh từ việc tiếp nhận hàng hóa hoặc chậm tiếp nhận gây ra và bị phạt theo quy định tại điều khoản phạt của hợp đồng.

- Nếu kết quả kiểm tra về số lượng, chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất và quy cách hàng hóa đúng với hợp đồng, đại diện có thẩm quyền của hai bên lập và ký Biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa.

2.2. Nghiệm thu, giám định chất lượng hàng hóa

- Nội dung nghiệm thu gồm: Số lượng, chủng loại, tình trạng bảo quản, đóng gói, xuất xứ, chất lượng hàng hóa và giám định các chỉ tiêu kỹ thuật hàng hóa. Kết quả giám định hàng hóa sẽ là cơ sở để đánh giá chất lượng và nghiệm thu hàng hóa. Chi phí nghiệm thu do nhà thầu chịu.

- Nếu hàng hóa phù hợp với các điều kiện của Hợp đồng, các Bên sẽ ký “Biên bản nghiệm thu hàng hóa”, biên bản này là cơ sở để thanh toán Hợp đồng.

- Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Kho của chủ đầu tư. (Kho Kho KT 887, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ.)